

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau (đợt 19 năm 2026)

Để tăng cường công tác giám sát và kiểm soát chất lượng môi trường nước trên các tuyến sông cấp nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ năm 2026, Chi cục Thủy sản Cà Mau phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu môi trường và bệnh thủy sản miền Nam thực hiện lấy mẫu quan trắc môi trường nước mặt tại 23 điểm trên các tuyến sông thuộc địa bàn tỉnh Cà Mau từ ngày 04/10/2026 đến 07/10/2026 (đợt 19 năm 2026).

Các điểm quan trắc gồm: Kênh 30/4 – Phường Hiệp Thành, Kênh Xáng – phường Vĩnh Trạch, Kênh Cái Cù – xã Vĩnh Hậu, Kênh Chùa Phật – xã Vĩnh Hậu, Kênh Gò Cát – xã Long Điền, Kênh Hộ Phòng – xã Long Điền, Kênh 9000 – xã Hồng Dân, Cửa biển Gành Hào – xã Gành Hào, Sông Bạc Liêu – phường Bạc Liêu, Kênh Trường Sơn – phường Hiệp Thành, Kênh số 3 – xã Vĩnh Hậu, Kênh Mương 7 – xã Vĩnh Hậu, Ngã 3 Vàm Đám – xã Tân Tiến, Sông Đầm Dơi – xã Đầm Dơi, Sông Cái Đoi – xã Phú Tân, Ngã 3 Vàm Đình – xã Phú Mỹ, Cống Đá Kênh 4 – Hòa Mỹ – xã Hưng Mỹ, Lương Thế Trân – xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm, Sông Cái Đoi Vàm – xã Cái Đoi Vàm, Sông Đường Chéo (Đường Kéo) – xã Tân Ân, Kênh Xáng Độ Cường – phường Hòa Thành và xã Trần Phán, Sông Thị Tường – xã Hưng Mỹ, Kênh Xáng Tân Hưng – xã Tân Hưng.

Các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: nhiệt độ, pH, DO, độ mặn, độ kiềm, $N-NO_2^-$, $N-NH_4^+$, $P-PO_4^{3-}$, $N-NO_3^-$, TSS, TP, Chlorophyll a, Vibrio tổng số, *Vibrio parahaemolyticus* tổng số và Coliform tổng số, EHP.

1. Kết quả chất lượng nước

(Kèm theo phụ lục kết quả phân tích chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau đợt 19).

2. Đánh giá chất lượng nước

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Kênh 30/4	54	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , <i>V.parahaemolyticus</i> , Coliform (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi. Các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cần được kiểm soát thông qua lắng, xử lý nước. Coliform cao, đồng thời ghi nhận <i>V.parahaemolyticus</i> , cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
2	Kênh Xáng	49	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , Coliform (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi. Các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cần được kiểm soát thông qua lắng, xử lý nước. Coliform cao, cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
3	Kênh Cái Cùng	50	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> , Coliform (TSS có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS trước khi cấp vào ao nuôi. Coliform cao, đồng thời ghi nhận <i>V.parahaemolyticus</i> , cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
4	Kênh Chùa Phật	46	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, Coliform (TSS có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, theo dõi độ mặn phù hợp; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS trước khi cấp vào ao nuôi. Coliform cao, cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					xử lý đạt yêu cầu.
5	Kênh Gò Cát	32	Kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, Vibrio, <i>V.parahaemolyticus</i> , Coliform (DO, TSS có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận Vibrio và <i>V. parahaemolyticus</i> , đồng thời Coliform cao, cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
6	Kênh Hộ Phòng	51	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> (TSS có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, theo dõi độ mặn phù hợp; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS, ưu tiên TSS do có q _i = 1. Ghi nhận <i>V. parahaemolyticus</i> , cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
7	Kênh 9000	50	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , Coliform (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi. Các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cần được kiểm soát thông qua lắng, xử lý nước. Coliform cao, cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
8	Cửa biển Gành Hào	41	Kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , Vibrio (N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và mật độ Vibrio trước khi cấp vào ao nuôi.
9	Sông Bạc Liêu	46	Trung bình	pH, DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , Coliform (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					Theo dõi pH, DO và độ mặn nguồn nước cấp; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng. Coliform cao, cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
10	Kênh Trường Sơn	49	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> , Coliform (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, theo dõi độ mặn phù hợp; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Coliform cao, đồng thời ghi nhận <i>V.parahaemolyticus</i> , cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
11	Kênh số 3	34	Kém	DO, N-NH ₄ ⁺ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> (DO, TSS có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận <i>V.parahaemolyticus</i> , cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
12	Kênh Mường 7	87	Rất tốt	DO, N-NH ₄ ⁺ , TSS	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Chủ động kiểm soát DO; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS trước khi cấp vào ao nuôi.
13	Ngã 3 Vàm Đàm	45	Kém	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> , Coliform, EHP (DO có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, theo dõi độ mặn phù hợp; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Coliform cao, đồng thời ghi nhận <i>V.parahaemolyticus</i> và EHP, cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
14	Sông Đàm Dơi	45	Kém	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , Coliform	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
				(DO có q _i = 1)	Chủ động kiểm soát DO, theo dõi độ mặn phù hợp; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Coliform cao, cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
15	Sông Cái Đôi	92	Rất tốt	DO, <i>V.parahaemolyticus</i>	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
16	Ngã 3 Vàm Đình	92	Rất tốt	DO, độ mặn	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản.
17	Cổng Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	56	Trung bình	DO, độ mặn, <i>V.parahaemolyticus</i> (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, theo dõi độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi. Ghi nhận <i>V.parahaemolyticus</i> , cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
18	Lương Thế Trân	50	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, Coliform (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, theo dõi độ mặn phù hợp; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS trước khi cấp vào ao nuôi. Coliform cao, cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
19	Sông Cái Đôi Vàm	90	Rất tốt	DO, N-NH ₄ ⁺ , Vibrio	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Chủ động kiểm soát DO; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và mật độ Vibrio trước khi cấp vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	57	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , TSS, Vibrio, Coliform (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, TSS và mật độ vi khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi. Coliform cao, cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
21	Kênh Xáng Độ Cường	45	Kém	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> (DO có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận <i>V.parahaemolyticus</i> , cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
22	Sông Thị Tường	54	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , Coliform (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Coliform cao, cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
23	Kênh Xáng Tân Hưng	57	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS trước khi cấp vào ao nuôi.

Ghi chú: Chỉ số AWQI được đánh giá theo Quyết định 428/QĐ-TS-NTTS của Cục Thủy sản ký ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước cho vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

3. Khuyến cáo

Kết quả quan trắc đợt 19 cho thấy có 4/23 điểm có chất lượng nước rất tốt, 13/23 điểm có chất lượng nước trung bình, 6/23 điểm quan trắc có chất lượng nước kém. Các yếu tố bất lợi chủ yếu gồm DO thấp, độ mặn chưa phù hợp, các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS; đồng thời ghi nhận *Vibrio*, *V. parahaemolyticus* và EHP dương tính tại một số nguồn nước cấp. Ngoài ra, một số điểm có Coliform cao, cần chú ý kiểm soát chất lượng nước và an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt trong quá trình thu hoạch, bảo quản và vận chuyển tôm.

Theo Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, thời tiết Cà Mau từ ngày 20/10 đến 28/10/2026 trời có nhiều mây, có mưa rào và dông, nhiệt độ thấp nhất từ 24 – 26 °C, nhiệt độ thấp nhất từ 29 – 33 °C; bên cạnh đó, dự báo ven biển Nam Bộ đang trong giai đoạn triều trung bình, có xu hướng tăng đến cuối thời kỳ, từ ngày 25/10 thủy triều ở mức cao.

Để hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và triều cường gây bất lợi đến hoạt động nuôi trồng thủy sản, Chi cục Thủy sản khuyến cáo các cơ sở, hộ nuôi chủ động thực hiện các biện pháp sau:

- Chủ động kiểm tra, gia cố bờ bao, bờ vuông, cống cấp – thoát nước và các vị trí xung yếu trước khi xảy ra mưa lớn; khơi thông hệ thống tiêu thoát nước, xử lý các vị trí có nguy cơ sạt lở, rò rỉ hoặc tràn bờ. Sau mưa lớn, cần kiểm tra và kịp thời khắc phục các vị trí công trình bị hư hỏng.

- Các cơ sở nuôi không lấy nước trực tiếp từ các khu vực có chất lượng nước kém và rất kém; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra các chỉ tiêu môi trường nước trong ao nuôi (DO, độ mặn, N-NH₄⁺, N-NO₂⁻, P-PO₄³⁻ và TSS), đặc biệt sau các đợt mưa; duy trì mực nước phù hợp, gia cố bờ bao, cống và chủ động các biện pháp quản lý nhằm hạn chế thiệt hại do thời tiết bất lợi gây ra.

- Tại các điểm ghi nhận *Vibrio*, *V. parahaemolyticus* hoặc Coliform cao, cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu. Đồng thời, tăng cường an toàn sinh học và theo dõi sức khỏe tôm. Đối với các điểm phát hiện EHP dương tính, cần kiểm soát chặt nguồn nước cấp, hạn chế nguy cơ đưa mầm bệnh vào vùng nuôi.

- Tại các khu vực có độ mặn thấp hoặc ngọt hóa, cần kiểm tra độ mặn trước khi cấp nước; chỉ lấy nước khi đạt yêu cầu đối với đối tượng nuôi và tránh cấp nước ngay sau các trận mưa lớn.

- Bên cạnh đó, thường xuyên kiểm tra pH ao/vuông nuôi và duy trì pH trong khoảng 7,5 – 8,5; chênh lệch giữa sáng và chiều không quá 0,5 đơn vị.

- Trong những ngày có mưa cần tháo bỏ lớp nước mặt trong và sau khi mưa, đồng thời tăng cường quạt nước để tránh

hiện tượng phân tầng nước. Dùng vôi nông nghiệp hoặc vôi sống tạt trên bờ trước khi mưa, sau khi mưa hòa vôi trong nước tạt đều quanh ao/vuông nuôi (từ 10 – 20kg/1.000m² ao nuôi). Chủ động giảm hoặc ngưng cho tôm ăn trong thời gian mưa. Sau khi mưa cần bổ sung các chất tăng sức đề kháng, chế phẩm vi sinh giúp ổn định môi trường, hạn chế khí độc trong ao/vuông nuôi.

- Thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý, thủy hóa trong ao/vuông nuôi; theo dõi sức khỏe và hoạt động của tôm nuôi. Thực hiện quản lý thức ăn hợp lý; định kỳ vệ sinh đáy ao, loại bỏ bùn thải và chất hữu cơ tích tụ; duy trì môi trường nuôi ổn định nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- Định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,... đặc biệt là vitamin C vào khẩu phần ăn hằng ngày để tăng sức đề kháng cho tôm nuôi.

- Thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai, bản tin quan trắc môi trường nước và các thông báo, khuyến cáo của cơ quan chuyên môn để chủ động nắm bắt thông tin và có biện pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

Trên đây là thông báo, khuyến cáo của Chi cục Thủy sản đến người nuôi trồng thủy sản để chủ động trong sản xuất, nhằm hạn chế thiệt hại trên thủy sản nuôi./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm Khuyến nông (p/h);
- Phòng Kinh tế các xã (p/h);
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường (p/h);
- Ban biên tập Website Sở;
- Lưu: VT, NTTS_(Giang).

CHI CỤC TRƯỞNG



Đỗ Chí Sĩ

Phụ lục
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU CHẤT LƯỢNG NƯỚC PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU ĐỢT 19 (TỪ NGÀY 04/10 – 07/10/2026)
(Kèm theo Thông báo số 76 /TB-CCTS ngày 20/10/2026 của Chi cục Thủy sản)

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	Vibrio (CFU/ml)	Vibrio parahaemolyticus (CFU/ml)	Coliform (MPN/ 100ml)	EHP
1	Kênh 30/4	Hiệp Thành	28,0	8,2	0,5	7,1	120,8	0,031	0,815	0,027	0,061	28,0	0,238	9,8	600	70	46.000	Âm tính
2	Kênh Xáng	Vĩnh Trạch	29,0	8,3	2,0	3,9	110,9	0,038	0,974	0,069	0,081	71,3	0,250	46,6	110	<1	24.000	Âm tính
3	Kênh Cái Cù	Vĩnh Hậu	31,0	7,7	4,0	12,2	130,7	0,209	0,798	0,044	0,089	327,0	0,433	59,5	740	40	24.000	Âm tính
4	Kênh Chùa Phật	Vĩnh Hậu	31,0	7,7	4,0	8,4	125,7	0,168	1,157	0,124	0,068	220,0	0,478	16,9	900	<1	11.000	Âm tính
5	Kênh Gò Cát	Long Điền	31,0	7,4	2,0	11,6	102,0	0,161	0,378	0,134	0,247	212,0	0,321	10,5	1.500	30	11.000	Âm tính
6	Kênh Hộ Phòng	Long Điền	31,0	7,5	4,0	9,0	121,8	0,290	0,359	0,025	0,257	582,0	0,347	10,9	200	30	4.600	Âm tính
7	Kênh 9000	Hồng Dân	30,0	8,5	3,0	3,2	93,1	0,018	0,555	0,043	0,038	28,0	0,232	72,6	170	<1	11.000	Âm tính
8	Cửa biển Gành Hào	Gành Hào	31,0	7,4	4,0	17,1	135,6	1,310	2,174	0,273	0,292	48,7	0,599	139,9	1.100	<1	4.600	Âm tính
9	Sông Bạc Liêu	Bạc Liêu	31,0	8,7	2,0	2,3	98,0	0,032	0,820	0,053	0,043	34,7	0,245	30,1	360	<1	11.000	Âm tính
10	Kênh Trường Sơn	Hiệp Thành	29,0	8,1	0,5	4,6	113,9	0,037	1,143	0,102	0,041	38,0	0,227	37,9	190	10	24.000	Âm tính
11	Kênh số 3	Vĩnh Hậu	32,0	7,4	2,0	21,9	136,6	0,060	0,513	0,071	0,195	780,0	0,538	39,0	980	40	430	Âm tính
12	Kênh Mương 7	Vĩnh Hậu	31,0	7,6	4,0	17,7	137,6	0,018	0,656	0,074	0,033	122,7	0,624	142,2	220	<1	230	Âm tính
13	Ngã 3 Vàm Đầm	Tân Tiến	31,0	8,0	3,0	3,0	97,0	0,044	0,963	0,261	0,064	88,7	0,456	9,4	620	10	11.000	Dương tính (31,6)
14	Sông Đầm Dơi	Đầm Dơi	29,0	7,5	3,0	3,0	98,0	0,043	0,984	0,264	0,065	88,7	0,482	8,0	260	<1	24.000	Âm tính
15	Sông Cái Đôi	Phú Tân	30,0	7,5	4,0	10,5	104,0	0,052	0,291	0,064	0,275	58,0	0,134	2,5	90	40	230	Âm tính
16	Ngã 3 Vàm Đình	Phú Mỹ	30,0	8,0	4,0	9,4	113,9	0,040	0,282	0,073	0,205	28,0	0,127	2,5	140	<1	230	Âm tính

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	Vibrio (CFU/ml)	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/ml)	Coliform (MPN/ 100ml)	EHP
17	Cổng Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	Hung Mỹ	29,0	7,5	3,0	6,4	117,8	0,037	0,269	0,085	0,240	46,0	0,148	0,9	550	40	2.100	Âm tính
18	Lương Thế Trân	Xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm	28,0	7,5	2,0	4,9	100,0	0,215	0,665	0,132	0,093	124,0	0,264	5,2	130	<1	11.000	Âm tính
19	Sông Cái Đôi Vàm	Cái Đôi Vàm	32,0	7,5	4,0	21,8	91,1	0,013	0,317	0,041	0,079	60,0	0,101	2,7	1.300	<1	230	Âm tính
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	Tân Ân	31,0	7,5	3,0	20,7	98,0	0,186	0,440	0,093	0,087	121,3	0,266	7,3	1.100	<1	24.000	Âm tính
21	Kênh Xáng Độ Cường	Phường Hòa Thành và xã Trần Phán	29,0	8,0	3,0	3,0	100,0	0,044	1,028	0,269	0,071	96,0	0,450	7,1	480	40	4.600	Âm tính
22	Sông Thị Tường	Hung Mỹ	28,0	7,5	2,0	5,0	107,9	0,093	0,411	0,123	0,165	38,7	0,175	2,3	520	<1	11.000	Âm tính
23	Kênh Xáng Tân Hung	Tân Hưng	29,0	7,5	4,0	4,2	95,0	0,215	0,700	0,132	0,070	194,0	0,419	10,4	40	<1	2.400	Âm tính